

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 16-4-2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đức Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Nghiêm.

2. Bà Đoàn Thị Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Quang Khuyển - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 16/4/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 244/2020/TLST- HNGĐ ngày 23/12/2020 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số nhà 256 đường N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số nhà 256 đường N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 05/3/1997 và được gia đình tổ chức cưới theo tập quán. Sau ngày cưới, anh chị ở cùng với bố mẹ chồng được vài tháng thì mua nhà ra chỗ khác nhưng vẫn ở cùng thôn. Năm 2016 vợ chồng chuyển đến thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương sinh sống. Cuộc sống hôn nhân giữa anh chị hòa thuận được một thời gian ngắn là đã bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 3/2017 anh D nghi ngờ chị có quan hệ với người đàn ông khác đã đánh đập, chửi bới chị và vợ chồng ly thân, từ đó đến nay hai bên không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không

còn, không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân, nên khởi kiện xin ly hôn anh D để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 02/01/1998 và Nguyễn Tiến P, sinh ngày 10/01/2002. Cả hai con đều đã trưởng thành, có việc làm nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và các tài liệu có tại hồ sơ, bị đơn - anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định về điều kiện kết hôn của anh chị đúng như chị P trình bày. Về tình trạng hôn nhân, anh xác định, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh nghi ngờ chị P có quan hệ bất chính với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng xảy ra xô xát. Sau đó, anh cùng với người thân của chị đến chỗ chị P ở trọ để đón chị về, nhưng thấy có quần áo của nam giới trong phòng trọ của chị P; do nóng, anh đã đánh chị P rồi về nhà. Từ hôm đó, chị P về nhà bố mẹ đẻ ở Thái Bình cư trú và làm đơn xin ly hôn. Anh xác định vợ chồng ly thân từ tháng 10/2020, nay chị P xin ly hôn anh không đồng ý vì vợ chồng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, nên anh mong muốn chị rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên, anh xác định không có biện pháp gì để hàn gắn, níu kéo hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 02/01/1998 và Nguyễn Tiến P, sinh ngày 10/01/2002. Cả hai con đều đã trưởng thành, có việc làm nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Anh không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai người thân của chị P, anh D để làm rõ về tình trạng hôn nhân của anh chị. Tại lời khai của các con chung của chị P, anh D thể hiện anh chị có mâu thuẫn và đã sống ly thân. Tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương và các đoàn thể ở thị trấn Thanh Miện xác định: Chị P, anh D có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương, sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại thôn Đỗ Thượng, xã Phạm Kha đến năm 2016 thì anh chị chuyển khẩu và sinh sống tại Nguyễn Lương Bằng, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Trong quá trình sinh sống tại khu dân cư, địa phương không thấy anh D, chị P cãi vã nhau làm mất trật tự tại tổ dân phố và khu dân cư, anh chị ấy mâu thuẫn cụ thể như thế nào, địa phương không nắm được. Do anh chị không báo cáo nên chính quyền địa phương và các đoàn thể không biết để hoà giải. Nay, chị P xin ly hôn anh D, đề nghị Toà án căn cứ vào thực trạng mâu thuẫn của vợ chồng để giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân

sự, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí của Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Chị P, anh D có 02 con chung đều đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị P, anh D không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn D, cư trú tại: Số nhà 256 đường N, thị trấn T, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị P nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định. Chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng

[1] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 05/3/1997 đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn đã bắt đầu mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp nhau, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ, anh D nghi ngờ chị P có quan hệ bất chính với người đàn ông khác đã đánh đập, chửi bới chị và vợ chồng ly thân từ tháng 3/2017. Đối với việc chị P xin ly hôn, anh D mong muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét thấy mâu thuẫn giữa chị P, anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh D không đồng ý ly hôn là gây khó khăn cho chị P thực hiện quyền ly hôn. Do đó, cần áp dụng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

[2] *Về con chung*: Chị P, anh D có hai con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về tài sản chung, vay nợ, công sức*: Các đương sự đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị P khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị P ly hôn anh Nguyễn Văn D.
2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, đã nộp theo Biên lai thu số AA/2018/0002259 ngày 23/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị P đã nộp đủ án phí.
3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã P, huyện T (*để ghi vào sổ Hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đức Chính